

Số: A 0265345

ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ

Tên chủ xe: TÔNG CTY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN
Nơi thường trú: 189 Điện Biên Phủ P15 BT
Nhãn hiệu: FORD Số loại: ESCAPE
Loại xe: Ôtô con Màu sơn: Đen
Số máy: L3-464758 Số khung: FVLFHBMERH4K-02727
Tự trọng: Hàng hóa kg
Số chỗ ngồi: TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 07 năm 19 2004 (Kể cả lái phụ xe)
Trưởng phòng

Biển số:

52X-4920

Đăng ký lần đầu
ngày 07/07/2004

THƯƠNG TÀI Võ Văn Văn

CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm.

Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.

2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xoá nội dung và làm giả.

Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.

3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện. Chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.

Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition, legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.

4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ bảo quãng đường đã chạy; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ.

Do not conduct unauthorized vehicle modifications, intentionally alter the odometer, or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.

5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định.

Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.

6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.

BỘ XÂY DỰNG
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM

MOC - Vietnam Register

No: VA 0315326

CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
XE CƠ GIỚI

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

Biển đăng ký: 52X-4920
(Registration plate)

Số quản lý PT: 5003S-033597
(Vehicle inspection No.)

Nhóm phương tiện (Vehicle's group): ô tô chở người đến 8 chỗ

Loại phương tiện: ô tô con
(Vehicle's type)

Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường
(Clean, green energy vehicle)

Cho phép tự động hoá
(Allows automation)

Một phần
(Partially)

Toàn phần
(Fully)

Nhãn hiệu, tên thương mại: FORD ESCAPE
(Trademark, Commercial name)

Mã kiểu loại (Model code): IN2 ENGZ4

Số động cơ (Engine No): L3-464758

Số khung (Chassis No): FVLFHBMERH4K02727

Năm, Nước sản xuất: 2004, Việt Nam
(Production year, Country)

Niên hạn sử dụng:
(Lifetime limit to)

Có kinh doanh vận tải (Commercial)

Có cải tạo (Modification):

THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x4 Vết bánh xe: 1540/1520 (mm)
(Wheel formula) (Wheel tread)

Kích thước bao (Overall dimensions): 4475x1825x1770 (mm)
Kích thước lòng thùng xe: (mm)
(Inside dimensions of cargo desk)

Khoảng cách trục (Wheel base): 2620 (mm)

Khối lượng bản thân (Kerb mass): 1549 (kg)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP LN: (kg)
(Design/Authorized cargo pay mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP LN: (kg)
(Design/Authorized towed mass)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: 1985/1985 (kg)
(Design/Authorized total mass)

Số người cho phép chở (không bao gồm người lái) Ngồi: 4 Đứng: 0 Nằm: 0
(Permissible No of Pers carried, not include driver: seating, standing, lying)

Loại động cơ đốt trong (Engine type): 4 xi lanh thẳng hàng
- Ký hiệu (Engine model): L3
- Thể tích làm việc (Engine Displacement): 2261 (cm³)
- Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 106kW/6000rpm
(Maximum engine output/rpm)
- Loại nhiên liệu (Fuel): Xăng
Loại động cơ điện:
(Motor type)
- Số lượng, ký hiệu:
(Number of motors, motor model)
- Điện áp/ Tổng CS động cơ điện:
(Voltage/ Total rated power of motors)
- Loại ắc quy (Battery type):
- Điện áp/dung lượng ắc quy (Voltage/Capacity):

(No:) VA-0315326

14865182

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)

1: 2; 215/70R16

2: 2; 215/70R16

Số phiếu kiểm định

(Inspection Report No)

5003S-13677/25

Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until)

08/11/2025



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe (Equipped with camera)

PT không được cấp tem KĐ (Vehicle not issued with inspection stamp)

Ghi chú (Notes):



Số: 8934518709945/OTOTN.10

**5. BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ
CỦA CHỦ XE ĐỐI VỚI BÊN THỨ BA VÀ HÀNH KHÁCH
(VƯỢT QUÁ MỨC BẮT BUỘC)**

Mức trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba:

Về người: x tr.đ/người/vụ, Về tài sản: x tr.đ/vụ

Mức TNDS đối với hành khách: x tr.đ/người/vụ

Tổng mức trách nhiệm tối đa: x tr.đ/vụ

Phí bảo hiểm (có VAT): x đồng

6. BẢO HIỂM TAI NẠN LÁI, PHỤ XE VÀ NGƯỜI NGỒI TRÊN XE

Lái, phụ xe: 1 người

Mức trách nhiệm bảo hiểm: 10 tr.đ/người/vụ

Người ngồi trên xe: 4 người

Mức trách nhiệm bảo hiểm: 10 tr.đ/người/vụ

Phí bảo hiểm: 50,000 đồng

Tổng số tiền đã thanh toán (bao gồm VAT) = (4+5+6):

530,700 đồng

Số: 8934518709945/OTOBB.10

Chủ xe: TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN -
TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 189 Điện Biên Phủ, Phường 2, Quận
Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại: Email:

Biển kiểm soát: 52X-4920

Số khung: 4K02727

Số máy: L3464758

Loại xe: Xe con

Trọng tải: tấn

Số chỗ ngồi: 5 chỗ

Mục đích sử dụng:

Kinh doanh Không kinh doanh

1. GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI THỨ BA

- Về người: 150 triệu đồng/ 1 người/ 1 vụ tai nạn.

- Về tài sản: 100 triệu đồng/ 1 vụ tai nạn.

2. GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI HÀNH KHÁCH

- Về người: 150 triệu đồng/ 1 người/ 1 vụ tai nạn.

3. THỜI HẠN BẢO HIỂM

- Từ 09:30 ngày 07 tháng 05 năm 2025

- Đến 09:29 ngày 07 tháng 05 năm 2026

4. PHÍ BẢO HIỂM

- Phí bảo hiểm (chưa VAT): 437,000 đồng

- Phí bảo hiểm phải nộp (có VAT): 480,700 đồng

- Thời hạn thanh toán phí: ngày 09 tháng 05 năm 2025

Cấp ngày 07 tháng 05 năm 2025
TỔNG CÔNG TY CP BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI

(Ký điện tử)

Digital signed by:

CÔNG TY BẢO HIỂM

MIC BẮC SÀI GÒN



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tròn Việt

(GCNBH này chỉ có giá trị khi có mã vạch, QR code, chữ ký điện tử của MIC)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HO CHI MINH CITY'S PUBLIC SECURITY
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
THE TRAFFIC POLICE DIVISION

ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ
MOTOR VEHICLE REGISTRATION CERTIFICATE
Số (Number): 0056602

Mẫu 01B-DB BH theo QĐ
số 753/2005/QĐ-BCA(C11) ngày 15/6/2005 của BCA

Tên chủ xe (Owner's full name):	Số máy (Engine N°):		
CTY CHĂN NUÔI & CBTP SÀI GÒN	6G72-003196		
Địa chỉ (Address):	Số khung (Chassis N°):		
189 Điện Biên Phủ P15 Q. BT	V33V31000095		
Nhãn hiệu (Brand):	Tên động cơ (B. of E.):		
MITSUBISHI	6G72		
Loại xe (Type):	Dung tích (Capacity):		
Ôtô con	2972		
Màu sơn (Color):	Công suất (Horsepower):		
Xám	109		
Năm sản xuất (Year of manufacture):	Tư trọng (Empty weight):		
2003	1955		
Kích thước bao: -Dài (Length):	m: Rộng (Width):	m: Cao (Height):	
4,755	1,695	1,865	
Tài trọng: Số chỗ ngồi (Sit):	đứng (Stand):	nằm (Lie):	Hàng hoá: kg
07			kg
Gross weight: Seat capacity			Goods
Đăng ký xe có giá trị đến ngày	tháng	năm	
Valid until	date		
Hồ Chí Minh, ngày	(Date)	25	tháng 05 năm 2007
Trưởng phòng			
52V-4897			
Đang ký lần đầu ngày:			
Date of first registration			
02/06/2003			


Trần Văn

CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm.

Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.

2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xóa nội dung và làm giả.

Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.

3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.

Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.

4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ.

Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.

5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định.

Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.

6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

MOT – Vietnam Register

No: VA 0028372

CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

Biển đăng ký: 52V-4897
(Registration plate)

Số quản lý PT: 5003S-026003
(Vehicle inspection No.)

Nhóm phương tiện (Vehicle's group): ô tô chở người đến 8 chỗ

Loại phương tiện: ô tô con
(Vehicle's type)

Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường
(Clean, green energy vehicle)

Cho phép tự động hoá Một phần Toàn phần
(Allows automation) (Partially) (Fully)

Nhãn hiệu, tên thương mại: MITSUBISHI
(Trademark, Commercial name)

Mã kiểu loại (Model code): PAJEROV33V

Số động cơ (Engine No): 6G72QD-3196

Số khung (Chassis No): RLA00V33V-31000095

Năm, Nước sản xuất: 2003, Việt Nam
(Production year, Country)

Niên hạn sử dụng:
(Lifetime limit to)

Có kinh doanh vận tải (Commercial) Có cải tạo (Modification):

THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x4 Vết bánh xe: 1420/1435 (mm)
(Wheel formula) (Wheel tread)

Kích thước bao (Overall dimensions): 4755x1695x1865 (mm)

Kích thước lồng thùng xe: (mm)
(Inside dimensions of cargo desk)

Khoảng cách trục (Wheel base): 2725 (mm)

Khối lượng bản thân (Kerb mass): 1955 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP LN: (kg)
(Design/Authorized cargo pay mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP LN: (kg)
(Design/Authorized towed mass)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: 2500/2500 (kg)
(Design/Authorized total mass)

Số người cho phép chở (không bao gồm người lái) Ngồi: 6 Đứng: 0 Nằm: 0
(Permissible No of Pers carried, not include driver: seating, standing, lying)

Loại động cơ đốt trong (Engine type):
- Ký hiệu (Engine model): MITSUBISHI 6G72
- Thể tích làm việc (Engine Displacement): 2972 (cm3)
- Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 109kW/5000rpm
(Maximum engine output/rpm)
- Loại nhiên liệu (Fuel): Xăng

Loại động cơ điện:
(Motor type)
- Số lượng, ký hiệu:
(Number of motors, motor model)
- Điện áp/ Tổng CS động cơ điện:
(Voltage/ Total rated power of motors)
- Loại ắc quy (Battery type):
- Điện áp/dung lượng ắc quy (Voltage/Capacity):
(No:) VA-0028372

FAD43D5E

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)

1: 2; 205R16
2: 2; 205R16

Số phiếu kiểm định
(Inspection Report No)

4801D-08360/25

Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until)

02/12/2025

Đắk Nông, ngày 3 tháng 6 năm 2025

(Issued on Day/Month/Year)



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe (Equipped with camera)

PT không được cấp tem KĐ (Vehicle not issued with inspection stamp)

Ghi chú (Notes):

CÁC BƯỚC CẦN LÀM KHI YÊU CẦU BỒI THƯỜNG

Gọi cứu thương 115 nếu có thương tích(*).

Gọi cảnh sát 113 để thông báo về tai nạn (thông báo thương vong nếu có)(*).

Làm theo hướng dẫn để tiến hành yêu cầu bồi thường.

Gọi hotline 1900 1562 để thông báo về sự vụ và được hướng dẫn.

(* Nếu không phát sinh thương tích, thương vong, bạn có thể bỏ qua các bước này.

CÁC BÊN ĐỒNG Ý VÀ HIỂU RẰNG

Giấy chứng nhận (GCN) bảo hiểm này được cấp theo văn bản hiện hành của Nhà nước quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới và quy tắc bảo hiểm kết hợp xe cơ giới của Bảo hiểm Tasco (Quy tắc). Nội dung của Quy tắc được đăng tải trên website <http://www.baohiemtasco.vn>

- GCN này là bằng chứng ký kết hợp đồng bảo hiểm giữa Bên mua bảo hiểm/ Chủ xe với Bảo hiểm Tasco. Khi nhận GCN này Bên mua bảo hiểm/ Chủ xe xác nhận đã đọc, hiểu và được giải thích về Quy tắc.
- GCN bảo hiểm này chỉ có hiệu lực sau khi Bên mua bảo hiểm/ Chủ xe đã đóng phí đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận.
- Phạm vi bảo hiểm, điều kiện, điều khoản bảo hiểm, loại trừ trách nhiệm bảo hiểm và các nội dung khác được áp dụng theo Quy tắc và GCN này. Trường hợp có bất cứ điều kiện, điều khoản nào mâu thuẫn giữa GCN và Quy tắc, ưu tiên áp dụng các nội dung trong GCN.
- Khi có tai nạn xảy ra, Chủ xe/ lái xe áp dụng các biện pháp cứu chữa người, tài sản và thông báo ngay cho Bảo hiểm Tasco theo số điện thoại 19001562 để được hướng dẫn.
- Các Bên cam kết thực hiện đúng theo quy định tại GCN và Quy tắc. Nếu phát sinh tranh chấp, các Bên cùng bên bạc, thương lượng. Trong trường hợp thương lượng không thành, vụ việc sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng đài: 1900 1562

**TASCO
INSURANCE**

GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM BẮT BUỘC TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ VÀ BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN XE Ô TÔ



Bảo hiểm nhanh, bồi thường gọn

69/04

GCNBH Số BB 0122309 /25

Chủ xe: CÔNG TY CHĂN NUÔI & CBTP SÀI GÒN

Địa chỉ: 189 Điện Biên Phủ P.15 Q. BT

Điện thoại: 52V-4897

Biển kiểm soát: V33V310000 95

Số khung: 6G72-203196

Số máy: MITSUBISHI

Hãng xe: Năm sản xuất: Loại xe:

Số chỗ: 07 chỗ Trọng tải: tấn

Mục đích sử dụng: Kinh doanh Không kinh doanh

THỜI HẠN BẢO HIỂM

Từ 14 giờ 42 phút, ngày 03 tháng 6 năm 2025

Đến 14 giờ 42 phút, ngày 03 tháng 6 năm 2026

TỔNG PHÍ BẢO HIỂM

Tổng phí bảo hiểm (Trước VAT): (1)+(2)+(3)+(4) 794.000 đồng

VAT: 873.400 đồng

Tổng phí bảo hiểm thanh toán (gồm VAT): 943.400 đồng

Thời hạn thanh toán: 03/6/2025

QR code and barcode area

8938549356031

Tổng đài: 1900 1562

TASCO INSURANCE

PHẠM VI BẢO HIỂM

1. Bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe cơ giới

Mức trách nhiệm về sức khỏe, tính mạng: 150.000.000 đồng/người/vụ

Mức trách nhiệm về tài sản: 100.000.000 đồng/vụ

Phí bảo hiểm (chưa VAT): 794.000 đồng

2. Bảo hiểm tai nạn lái xe, người được chở trên xe

Lái xe: 01 người

Người được chở trên xe: 06 người

Tổng số người được bảo hiểm: 07 người

Mức trách nhiệm: 10 đồng/người/vụ

Phí bảo hiểm (không VAT): 70.000 đồng

3. Bảo hiểm tự nguyện TNDS của chủ xe cơ giới

Mức trách nhiệm về sức khỏe, tính mạng: đồng/người/vụ

Mức trách nhiệm về tài sản: đồng/vụ

Tổng mức trách nhiệm: đồng/vụ

Phí bảo hiểm (chưa VAT): đồng

4. Bảo hiểm TNDS của chủ xe đối với hàng hóa

Mức trách nhiệm: đồng/tấn

Trọng tải: tấn

Tổng mức trách nhiệm: đồng/vụ

Phí bảo hiểm (chưa VAT): đồng

BÊN MUA BẢO HIỂM



(Liên 1: Giao khách hàng)

Giấy chứng nhận bảo hiểm này không có giá trị nếu được cấp sau ngày 30/06/2026

GIÁM ĐỐC Nguyễn Duy Sơn

Tên chủ xe (Owner's full name):

TỔNG CTY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Số máy (Engine N°):

F10A-1084613

Địa chỉ (Address):

189 Điện Biên Phủ P15 Q. BT

Số khung (Chassis N°):

21T-VN109099

Nhãn hiệu (Brand):

SUZUKI

Tên động cơ (B. of E.): **F10A**

Loại xe (Type):

Động lạnh

Dung tích (Capacity): **970**

Màu sơn (Color):

Trắng

Công suất (Horsepower) **44**

Năm sản xuất (Year of manufacture) **2005**

Tự trọng (Empty weight) **820**

Kích thước bao: -Dài (Length):

3,220

m; Rộng (Width):

1,393

m; Cao (Height):

2,000

m

Overall dimension

Tải trọng: Số chỗ ngồi (Sit):

02

đứng (Stand):

nằm (Lie):

Hàng hoá:

500

kg

Gross weight: Seat capacity

Goods:

Đăng ký xe có giá trị đến ngày **10** tháng **08** năm **2030**
Valid until date

Biển số đăng ký

Hồ Chí Minh ngày (date) **29** tháng **03** năm **2006**

(N° Plate)

54V-5892

Trưởng phòng

Đăng ký lần đầu ngày:

Date of first registration

24/01/2006

THƯƠNG TÀI Võ Văn Vân

69/05

Tên chủ xe (Owner's full name): **CTY CN & CB T/PHẨM SÀI GÒN** Số máy (Engine N°): **0905013**
Địa chỉ (Address): **189 Điện Biên Phủ P15 Q. BT** Số khung (Chassis N°): **S92P-870097**
Nhân hiệu (Brand): **SAMCO** Tên động cơ (B. of E.): **HL**
Loại xe (Type): **Tải thùng kín** Dung tích (Capacity): **1589**
Màu sơn (Color): **Trắng** Công suất (Horsepower): **60**
Năm sản xuất (Year of manufacture): **2004** Tự trọng (Empty weight): **100**
Kích thước bao: -Dài(Length): **4,125** m; Rộng(Width): **1,650** m; Cao(Height): **2,000** m
Overall dimension
Tài trọng: Số chỗ ngồi(Sit): **02** đứng(Stand): **0** nằm(Lie): **0** Hàng hoá: **0** kg
Gross weight: Seat capacity
Đăng ký xe có giá trị đến ngày **09** tháng **08** năm **2007**
Valid until
Biển số đăng ký **54T-8377** Hồ Chí Minh, ngày **28** tháng **06** năm **2007**
(N°Plate)
Trương phòng
Đăng ký lần đầu ngày: **08/09/2004**
Date of first registration
THƯƠNG TÁ Võ Văn Việt

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HO CHI MINH CITY'S PUBLIC SECURITY

PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
THE TRAFFIC POLICE DIVISION

ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ
MOTOR VEHICLE REGISTRATION CERTIFICATE

Số (Number): 0060618

Mẫu 01B-DB BH theo QĐ
số 753/2005/QĐ-BCA(C11) ngày 15/6/2005 của BCA

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

A certificate of inspection should not be used as a basic for transferring vehicle.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

MOT – Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS



No: DA 3398004

1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: **54T-8377** Số quản lý: **5002S-023863**
 (Registration Number) (Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) ô tô tải (thùng kín)

Nhãn hiệu: (Mark) SAMCO

Số loại: (Model code) HIJETJUMBOTKDA02

Số máy: (Engine Number) 0905013

Số khung: (Chassis Number) S92P-8700971

Năm, Nước sản xuất: 2004, Việt Nam Niên hạn SD: 2029
 (Manufactured Year and Country) (Lifetime limit to)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use) Cải tạo (Modification)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1345/1330 (mm)
 (Wheel Formula) (Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension) 4125 x 1650 x 2325 (mm)

Kích thước lồng thùng xe (Inside cargo container dimension)
 - 2200x1470x1350 (mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2080 (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 1000 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 870/870 (kg)
 (Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 2000/2000 (kg)
 (Design/Authorized total mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
 (Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: 2 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
 (Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Xăng

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 1589 (cm³)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 60.4(kW)/5600vph

Số sê-ri: (No.) DA-3398004 847562459925

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)

1: 2; 175R13

2: 2; 175R13

TP. HCM, ngày 24 tháng 11 năm 2022

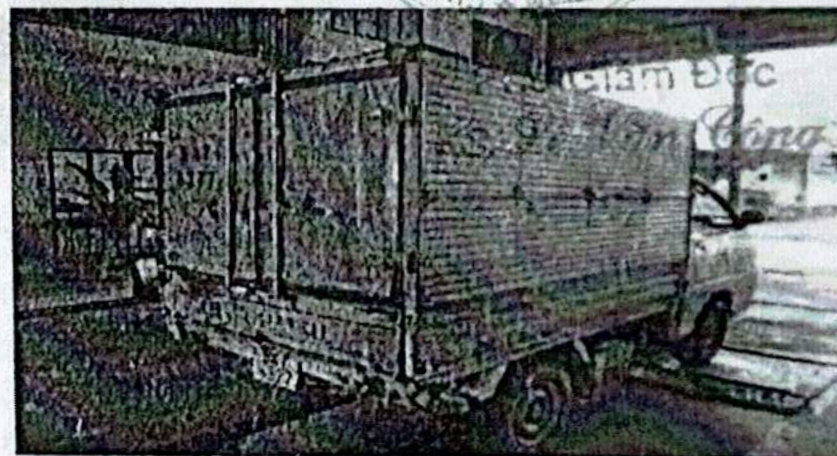
Số phiếu kiểm định (Issued on: Day/Month/Year)

(Inspection Report No)

5009D-16141/22

Có hiệu lực đến hết ngày

(Valid until) **23/05/2023**



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Có lắp camera (Equipped with camera)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued,

Ghi chú:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Socialist Republic of Vietnam

CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ho Chi Minh city's Public Security

PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

The traffic police Division

CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ

Car Registration Certificate

Số (Number): 066130

Tên chủ xe (Owner's full name): CNTCTNNSGTHHMTVCTCN&CBTPSG Số máy (Engine N^o): 314189192335
Địa chỉ (Address): 195 Điện Biên Phủ P.15 Q.bình Thạnh Số khung (Chassis N^o): 9SBCEC002702
Nhãn hiệu (Brand): THACO Số loại (Model code): TB75S
Loại xe (Type): Ô tô khách Dung tích (Capacity): 3760
Màu sơn (Color): Trắng Xanh
Tải trọng: Hàng hoá: kg; Số chỗ ngồi(Sit): 29 đứng(Stand): năm(Lie):
Đăng ký xe có giá trị đến ngày (date of expiry): 31/12/2034

Hồ Chí Minh, ngày (date) 13 tháng 05 năm 2015
Biển số đăng ký (N^oPlate) (T) TRƯỞNG PHÒNG

51B-180.32

Đăng ký lần đầu ngày:
Date of first registration
13/05/2015

TRƯƠNG TÁ Tuấn Văn Chương

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

A certificate of inspection should not be used as a basic for transferring vehicle.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

MOT – Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: DB 3322721

69/04

1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: **51B-180.32** Số quản lý: **5003S-134851**
(Registration Number) (Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) **ô tô khách**
Nhãn hiệu: (Mark) **THACO**

Số loại: (Model code) **TB75SC**
Số máy: (Engine Number) **ISF3.8S3141*89192335***

Số khung: (Chassis Number) **RN5B29SBCE002702**
Năm, Nước sản xuất: **2014, Việt Nam** Niên hạn SD: **2034**
(Manufactured Year and Country) (Lifetime limit to)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use) Cải tạo (Modification)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: **4x2** Vết bánh xe: **1830/1650** (mm)
(Wheel Formula) (Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension) **7500 x 2200 x 2950** (mm)
KT khoang hành lý lớn nhất (Largest luggage container dimension)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) **4085** (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass) **4950** (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: **7500/7500** (kg)
(Design/Authorized total mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: **29** chỗ ngồi, **0** chỗ đứng, **0** chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) **Diesel**

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) **3760** (cm³)
Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) **105(kW)/2600(vp)**

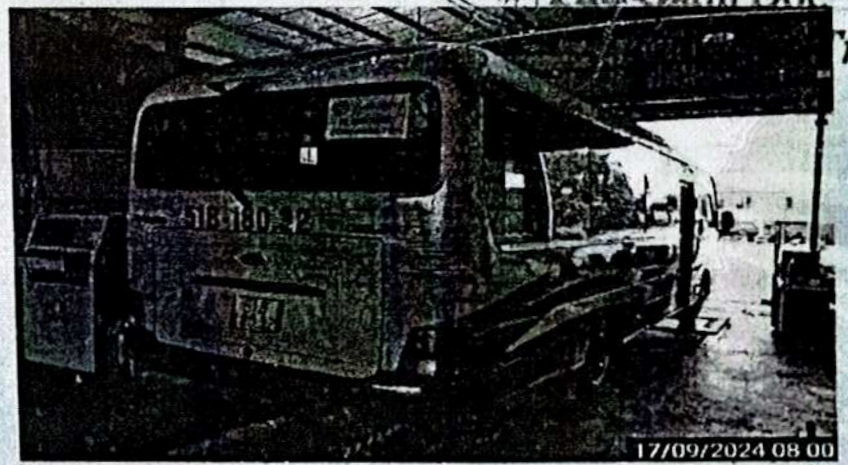
Số sê-ri: (No.) **DB-3322721** **1355FE4**

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)
1: 2; 7.50R16
2: 4; 7.50R16

TP. HCM, ngày **17** tháng **9** năm **2024**

Số phiếu kiểm định (Inspection Report No)
5009D-09537/24

Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until) **16/03/2025**



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Có lắp camera (Equipped with camera)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú: Biển đăng ký nền trắng

LƯU Ý ĐỐI VỚI CHỦ XE LÁI XE:

- Giấy chứng nhận bảo hiểm (GCNBH) này được cấp theo các điều khoản được quy định tại Nghị định 03/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 04/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15/01/2021 về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự (TNDS) của chủ xe cơ giới. Chủ xe, lái xe cần đọc kỹ để biết được quyền lợi và nghĩa vụ của mình khi tham gia bảo hiểm.
- Khi sử dụng xe, luôn mang theo GCNBH này để xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.
- Khi tai nạn giao thông xảy ra, phải có trách nhiệm:
 - Tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về sức khỏe, tình mạng và tài sản, bảo vệ hiện trường tai nạn.
 - Thông báo ngay cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất để phối hợp giải quyết vụ tai nạn giao thông theo quy định và thông báo ngay cho VNI.
 - Không được đi chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tai nạn khi chưa có ý kiến chấp thuận của VNI.
 - Chuẩn bị hồ sơ bồi thường bảo hiểm thuộc trách nhiệm; tạo điều kiện thuận lợi cho VNI trong quá trình xác minh các tài liệu do mình cung cấp.

Đường dây nóng: 1972 76 5555
Tổng đài CSKH: 1909 969690



ND 67/2023/NĐ-CP ngày 05/09/2023 thay thế
ND 03/2021/NĐ-CP và TT 04/2021/TT-BTC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
BẢO HIỂM BẮT BUỘC TNDS
CỦA CHỦ XE Ô TÔ**
Số: AD23/ 0414695

SỐ: 0938700272
THÔNG BÁO TAI NẠN

Quét mã QR để tra cứu



hoặc truy cập
hups.cbhbk.com.vn/tracu
và tìm theo hướng dẫn

Mua bảo hiểm online qua website: www.cbhbk.com.vn

**GIẤY CHỨNG NHẬN
BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN
CỦA CHỦ XE Ô TÔ**
Số: AD23/ 0414695

Số: AD23/ 0414695

BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN

Giấy chứng nhận bảo hiểm (GCNBH) này được áp dụng theo các điều khoản được quy định tại Quy tắc Bảo hiểm kết hợp xe cơ giới hiện hành của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không và là bộ phận không thể tách rời của GCNBH bắt buộc của chủ xe ô tô. Chủ xe, lái xe cần đọc kỹ Quy tắc, điều khoản để được biết quyền lợi và nghĩa vụ của mình khi tham gia bảo hiểm. Vui lòng tham khảo trên website: www.cbhbk.com.vn

BẢO HIỂM TAI NẠN LÁI XE VÀ NGƯỜI

NGƯỜI TRÊN XE:
Lái xe: 01 người
Người ngồi trên xe: 28 người
Tổng số người được bảo hiểm: 29 người
Mức TN bảo hiểm: 10 triệu đồng/người/vụ
Phí bảo hiểm: 290 VND đồng

BÊN MUA BẢO HIỂM
(Ký, ghi rõ họ tên)

Số: AD23/ 0414695

TÊN CHỦ XE: CN TCT NNSG - TNHH
MIX CT ENI và CBTP SG

ĐIỂM CHỖ: P. 15, Q. Bình Thạnh

DIỆN THOẠI:
SỐ BIÊN KIỂM SOÁT: TB - 180 32

SỐ KHUNG:
SỐ MÁY:

LOẠI XE: THACO

TRỌNG TẢI: tấn

SỐ CHỖ NGỒI: 29 chỗ

MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG:
Kinh doanh Không kinh doanh

1. MỨC TNDS ĐỐI VỚI NGƯỜI THỨ BA
- Về người: 150 triệu đồng/1 người/1 vụ
- Về tài sản: 100 triệu đồng/1 vụ

2. MỨC TNDS ĐỐI VỚI HÀNH KHÁCH
- Về người: 150 triệu đồng/1 người/1 vụ

3. THỜI HẠN BẢO HIỂM

Từ 8 giờ 00, ngày 14 tháng 5 năm 2024
Đến 8 giờ 00, ngày 14 tháng 5 năm 2025

4. PHÍ BẢO HIỂM

- Phí bảo hiểm: đồng
- Phí bảo hiểm (gồm VAT) 2.007.500 đồng
- Thời hạn thanh toán phí: / /

5. NGƯỜI CẤP

6. BÊN MUA BẢO HIỂM

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)



Lưu ý: Giấy CNBH này chỉ có hiệu lực

69/35

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Socialist Republic of Vietnam

CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ho Chi Minh city's Public Security

PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

The traffic police Division

CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ

Car Registration Certificate

Số (Number): 312020

Tên chủ xe (Owner's full name):

Số máy (Engine N°):

CN1CTNNSG1NHMTV CT CN&CBTPSC

584316120

Địa chỉ (Address):

Số khung (Chassis N°):

195 Điện Biên Phủ P15 Q.B/Thành

SK200X779185

Nhãn hiệu (Brand): TOYOTA

Số loại (Model code): CAMRY

Loại xe (Type): Ô tô con

Dung tích (Capacity): 2164

Màu sơn (Color): Xanh Đen

Tải trọng: Hàng hoá:

kg; Số chỗ ngồi (Sit): 5 đứng (Stand): năm

Đăng ký xe có giá trị đến ngày (date of expiry):

Hồ Chí Minh ngày (day) tháng 10 năm 2017

Biển số đăng ký (N°Plate) (T)

51F-884.88

Đăng ký lần đầu ngày:

Date of first registration

28/01/2000

THƯỢNG TÁ Nguyễn Hoàng Điện



CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm.

Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.

2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xóa nội dung và làm giả.

Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.

3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.

Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.

4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ.

Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.

5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định.

Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.

6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.

BỘ XÂY DỰNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

MOC - Vietnam Register

Ng: VA 2479301

CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

Biển đăng ký: 51F-884.88
(Registration plate)

Số quản lý PT: 5003S-001798
(Vehicle inspection No.)

Nhóm phương tiện (Vehicle's group): ô tô chở người đến 8 chỗ

Loại phương tiện: ô tô con
(Vehicle's type)

Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường
(Clean, green energy vehicle)

Cho phép tự động hoá Một phần Toàn phần
(Allows automation) (Partially) (Fully)

Nhãn hiệu, tên thương mại: TOYOTA
(Trademark, Commercial name)

Mã kiểu loại (Model code): CAMRYXLISXV20LDEMCKV

Số động cơ (Engine No): 5S-4316120

Số khung (Chassis No): 53SK200X779185

Năm, Nước sản xuất: 1999, Việt Nam
(Production year, Country)

Niên hạn sử dụng:
(Lifetime limit to)

Có kinh doanh vận tải (Commercial) Có cải tạo (Modification):

THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1545/1510 (mm)
 (Wheel formula) (Wheel tread)

Kích thước bao (Overall dimensions): 4760x1785x1435 (mm)
 Kích thước lòng thùng xe: (mm)
 (Inside dimensions of cargo desk)

Khoảng cách trục (Wheel base): 2670 (mm)

Khối lượng bản thân (Kerb mass): 1385 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP LN: (kg)
 (Design/Authorized cargo pay mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP LN: (kg)
 (Design/Authorized towed mass)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: 1820/-- (kg)
 (Design/Authorized total mass)

Số người cho phép chở (không bao gồm người lái) Ngồi: 4 Đứng: 0 Nằm: 0
 (Permissible No of Pers carried, not include driver: seating, standing, lying)

Loại động cơ đốt trong (Engine type):
 - Ký hiệu (Engine model): TOYOTA 5S-FE
 - Thể tích làm việc (Engine Displacement): 2164 (cm3)
 - Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 138HP/5200rpm
 (Maximum engine output/rpm)
 - Loại nhiên liệu (Fuel): Xăng

Loại động cơ điện:
 (Motor type)
 - Số lượng, ký hiệu:
 (Number of motors, motor model)
 - Điện áp/ Tổng CS động cơ điện:
 (Voltage/ Total rated power of motors)
 - Loại ắc quy (Battery type):
 - Điện áp/dung lượng ắc quy (Voltage/Capacity):

(No:)
 VA-2479301 5F261D5A

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)

1: 2; 195/70R14
 2: 2; 195/70R14

Số phiếu kiểm định
 (Inspection Report No)

5009D-14470/25

Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until)

19/04/2026

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2025

TRUNG (Issued on: Day/Month/Year)

ĐANG CỐ SỞ ĐĂNG KIỂM

50-09D (INSPECTION CENTER)



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Võ Tài



20/10/2025 08:20

Cố lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Cố lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe (Equipped with camera)

PT không được cấp tem KĐ (Vehicle not issued with inspection stamp)

Ghi chú (Notes): Biển đăng ký nền trắng



LƯU Ý ĐỐI VỚI CHỦ XE, LÁI XE

1. Giấy chứng nhận bảo hiểm này được cấp theo Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới. Việc bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm nhận Giấy chứng nhận bảo hiểm này, xác nhận rằng bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm đã được VASS giải thích rõ ràng, đầy đủ quy tắc, điều khoản bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm có thể tham khảo lại quy tắc, điều khoản bảo hiểm bất kỳ lúc nào tại website: www.vass.com.vn
2. Khi tai nạn giao thông xảy ra, phải có trách nhiệm:
 - Tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về sức khỏe, tính mạng và tài sản, bảo vệ hiện trường tai nạn;
 - Báo ngay cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất để phối hợp giải quyết vụ tai nạn giao thông theo quy định;
 - Báo ngay cho Doanh nghiệp bảo hiểm để được hướng dẫn, theo thông tin sau:

Đường dây khẩn cấp: 1900 9249

Hoặc liên hệ:

Lưu ý: Giấy chứng nhận bảo hiểm này cấp sau ngày 31/01/2026

sẽ KHÔNG có giá trị.



BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG

19 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TPHCM
Tel: 028 6284 8300 - Fax: 028 3822 7619
Email: htkh@vass.com.vn - Website: www.vass.com.vn
Emergency Call: 1900 9249



VASS ASSURANCE CORPORATION
Today Not Tomorrow

GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM BẮT BUỘC TNDS CỦA CHỦ XE ÔTÔ

Số: OTOBB25 - 3068357

Quét mã QR để tra cứu:



Hoặc tra cứu tại:
<http://tracuu.vass.com.vn>



VASS ASSURANCE CORPORATION
Today Not Tomorrow

GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM TỰ NGUYỄN XE ÔTÔ

Số: OTOBB25

Giấy chứng nhận này được cấp theo Quyết định số 327/2015/QĐ-VASS/TGD ngày 30/12/2015 của Tổng Giám đốc Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm Viễn Đông. Việc Bên mua bảo hiểm nhận giấy chứng nhận bảo hiểm này, bên mua bảo hiểm xác nhận đã được VASS giải thích rõ ràng, đầy đủ quy tắc, điều khoản bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm có thể tham khảo lại quy tắc, điều khoản bảo hiểm bất cứ lúc nào tại website: www.vass.com.vn

BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG
Emergency Call: 1900 9249

BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN
BẢO HIỂM TAI NẠN LÁI, PHỤ XE
VÀ NGƯỜI NGỒI TRÊN XE

LÁI, PHỤ XE: 02 chỗ
SỐ CHỖ NGỒI TRÊN XE: 05 chỗ
SỐ TIỀN BẢO HIỂM: 10 triệu đồng/1 người/1 vụ
PHÍ BẢO HIỂM: 50.000 đồng

Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện này là một phần không tách rời của Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô có cùng số seri.

Số: OTOBB253068357

CHỦ XE: CNICTNNSG.TN.HH.MTV
ĐỊA CHỈ: CN & C.B.T.P.S.G. 195 Điện
ĐIỆN THOẠI: Biển phước, P.15, Q.B/Thành
SỐ BIÊN KIỂM SOÁT: 51 F-884.88
SỐ KHUNG:
SỐ MÁY:
LOẠI XE: ô tô con
TRỌNG TẢI: tấn
SỐ CHỖ NGỒI: 05 chỗ
MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kinh doanh Không kinh doanh

1. MỨC TNDS ĐỐI VỚI NGƯỜI THỨ BA

- Về người: 150 triệu đồng/1 người/1 vụ tai nạn
- Về tài sản: 100 triệu đồng/1 vụ tai nạn

2. MỨC TNDS ĐỐI VỚI HÀNH KHÁCH

- Về người: 150 triệu đồng/1 người/1 vụ tai nạn

3. THỜI HẠN BẢO HIỂM

- Từ 00 giờ, ngày 14 tháng 4 năm 2025
- Đến 00 giờ, ngày 14 tháng 4 năm 2026

4. PHÍ BẢO HIỂM

- Phí bảo hiểm: 480.700 đồng
- Phí bảo hiểm (bao gồm VAT): 530.700 đồng
- Thời hạn thanh toán phí:/...../.....

5. NGƯỜI CẤP

- Cán bộ doanh nghiệp

- Đại lý

- Hình thức khác

(Ký, ghi rõ họ tên)

6. NGƯỜI NỘP TIỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cấp ngày 14 tháng 4 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIÊN ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phó Tổng Giám Đốc



Võ Văn Hào

Tên chủ xe (Owner's full name): **CTY CHAN NUOI & CBTP SAI GON** Số máy (Engine N^o): **4A-H741221**
Địa chỉ (Address): **189 Điện Biên Phủ P15 Q. BT** Số khung (Chassis N^o): **E111-9565086**
Nhãn hiệu (Brand): **TOYOTA** Tên động cơ (B. of E.): **4AH**
Loại xe (Type): **Ô tô con** Dung tích (Capacity): **1600**
Màu sơn (Color): **Xám** Công suất (Horsepower): **81**
Năm sản xuất (Year of manufacture): **2000** Trọng lượng (Empty weight): **1106**
Kích thước bao: -Dài (Length): **4,315** m; Rộng (Width): **1,690** m; Cao (Height): **1,405** m
Tải trọng: Số chỗ ngồi (Sit): **05** đứng (Stand): năm (Lie): Hàng hóa (Goods): **kg**
Gross weight: Seat capacity
Đăng ký xe có giá trị đến ngày tháng năm
Valid until date
Biển số đăng ký (N^o Plate) **52S-5758** Hồ Chí Minh, ngày (date) 29 tháng 05 năm 2007
Trương phòng
Đăng ký lần đầu ngày: 25/05/2000
Date of first registration

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HO CHI MINH CITY'S PUBLIC SECURITY
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
THE TRAFFIC POLICE DIVISION

ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ
MOTOR VEHICLE REGISTRATION CERTIFICATE

Số (Number): 0056768

Mẫu 01B-DB BH theo QĐ
số 753/2005/QĐ-BCA(C11) ngày 15/6/2005 của BCA

CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm.

Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.

2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xóa nội dung và làm giả.

Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.

3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.

Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.

4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ.

Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.

5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định.

Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.

6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.

BỘ XÂY DỰNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM MOC – Vietnam Register

Nh: 3A 1049759

CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
XE CƠ GIỚI

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

Biển đăng ký: 52S-5758
(Registration plate)

Số quản lý PT: 5003S-007212
(Vehicle inspection No.)

Nhóm phương tiện (Vehicle's group): ô tô chở người đến 8 chỗ

Loại phương tiện: ô tô con
(Vehicle's type)

Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường
(Clean, green energy vehicle)

Cho phép tự động hoá Một phần Toàn phần
(Allows automation) (Partially) (Fully)

Nhãn hiệu, tên thương mại: TOYOTA
(Trademark, Commercial name)

Mã kiểu loại (Model code): COROLLA 16GLI

Số động cơ (Engine No): 4AH-741221

Số khung (Chassis No): AE111-9565086

Năm, Nước sản xuất: 2000, Việt Nam
(Production year, Country)

Niên hạn sử dụng:
(Lifetime limit to)

Có kinh doanh vận tải (Commercial) Có cải tạo (Modification):

THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1460/1450 (mm)
(Wheel formula) (Wheel tread)

Kích thước bao (Overall dimensions): 4315x1690x1385 (mm)
Kích thước lòng thùng xe: (mm)
(Inside dimensions of cargo desk)

Khoảng cách trục (Wheel base): 2465 (mm)

Khối lượng bản thân (Kerb mass): 1035 (kg)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP LN: (kg)
(Design/Authorized cargo pay mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP LN: (kg)
(Design/Authorized towed mass)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CPLN: 1525/-- (kg)
(Design/Authorized total mass)

Số người cho phép chở (không bao gồm người lái) Ngồi: 4 Đứng: 0 Năm: 0
(Permissible No of Pers carried, not include driver: seating, standing, lying)

Loại động cơ đốt trong (Engine type):
- Ký hiệu (Engine model): 4A.FE
- Thể tích làm việc (Engine Displacement): 1587 (cm3)
- Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 81kW/6000rpm
(Maximum engine output/rpm)
- Loại nhiên liệu (Fuel): Xăng

Loại động cơ điện:
(Motor type)
- Số lượng, ký hiệu:
(Number of motors, motor model)
- Điện áp/ Tổng CS động cơ điện:
(Voltage/ Total rated power of motors)
- Loại ắc quy (Battery type):
- Điện áp/dung lượng ắc quy (Voltage/Capacity):

(No.) VA-1049759

11D931E4

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)

1: 2; 175/70R13

2: 2; 175/70R13

Số phiếu kiểm định
(Inspection Report No)

5009D-09353/25

Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until)

24/12/2025

TP. HCM, ngày 25 tháng 6 năm 2025

(Issued on: Day/Month/Year)

CƠ SỞ ĐANG KIỂM

(INSPECTION CENTER)



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe (Equipped with camera)

PT không được cấp tem KĐ (Vehicle not issued with inspection stamp)

Ghi chú (Notes):

CÁC BƯỚC CẦN LÀM KHI YÊU CẦU BỒI THƯỜNG



CÁC BÊN ĐỒNG Ý VÀ HIỆU RANG

- Công ty đồng ý bồi thường và bồi thường theo đúng quy định của pháp luật và các điều kiện bồi thường của công ty.
- Công ty đồng ý bồi thường và bồi thường theo đúng quy định của pháp luật và các điều kiện bồi thường của công ty.
- Công ty đồng ý bồi thường và bồi thường theo đúng quy định của pháp luật và các điều kiện bồi thường của công ty.
- Công ty đồng ý bồi thường và bồi thường theo đúng quy định của pháp luật và các điều kiện bồi thường của công ty.
- Công ty đồng ý bồi thường và bồi thường theo đúng quy định của pháp luật và các điều kiện bồi thường của công ty.

Tổng đài: 1900 1562

TASCO INSURANCE

GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM BẮT BUỘC TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ



Bảo hiểm nhanh, bồi thường gọn



Số TN: 0077035 /24

PHẠM VI BẢO HIỂM

7. BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE ĐỐI VỚI BÊN THỨ BA VÀ HÀNH KHÁCH (VƯỢT QUÁ MỨC BẮT BUỘC).

Mức trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba:
Vé người: tr.đ/người/vụ;
Vé tài sản: tr.đ/vụ;
Mức TNDS đối với hành khách: tr.đ/người/vụ
Tổng mức trách nhiệm tối đa: tr.đ/vụ.
Phí bảo hiểm (có VAT): đồng.

8. BẢO HIỂM TAI NẠN LÁI, PHỤ XE VÀ NGƯỜI NGỒI TRÊN XE.

Lái, phụ xe: người;
Số tiền bảo hiểm: tr.đ/người/vụ.
Người ngồi trên xe: 05 người;
Số tiền bảo hiểm: 10 tr.đ/người/vụ
Phí bảo hiểm: 50.000 đồng
Tổng số tiền đã thanh toán (bao gồm VAT) (=4+7+8): 530.700 đồng

Người cấp đã thu đủ phí: giờ, ngày, tháng, năm 20....
Thời hạn bảo hiểm, biển số xe, tên chủ xe, ngày cấp, người cấp giấy chứng nhận bảo hiểm này trùng với giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS chủ xe ô tô đã cấp

số BB: 0077035 /24



Số BB: 0077035 /24

Chủ xe: CTY.Chăn Nuôi & CBTP Sài Gòn
Địa chỉ: Lầu 2,Số 189 Điện Biên Phủ-Phường 15,Q.Bình Thạnh

Điện thoại:
Số biển kiểm soát: 52S-5758
Số khung: 565086
Số máy: 741221
Loại xe: ô tô con
Trọng tải: Tấn
Số chỗ ngồi: 5 Chỗ

MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG:

Kinh doanh [] Không kinh doanh [x]

1. MỨC TNDS ĐỐI VỚI NGƯỜI THỨ BA

- Vé người: 150 triệu đồng/1 người/1 vụ tai nạn.
Vé tài sản: 100 triệu đồng/1 vụ tai nạn.

2. MỨC TNDS ĐỐI VỚI HÀNH KHÁCH

- Vé người: 150 triệu đồng/1 người/1 vụ tai nạn.

TASCO INSURANCE

3. THỜI HẠN BẢO HIỂM

- Từ 08h 00, giờ, ngày 20 tháng 10 năm 20 24
Đến 08h 00, giờ, ngày 20 tháng 10 năm 20 25

4. PHÍ BẢO HIỂM

- Phí bảo hiểm: 437.000 đồng
Phí bảo hiểm phải nộp (có VAT): 480.700 đồng
Thời hạn thanh toán phí: (ngày)

5. NGƯỜI CẤP

- Cán bộ DNBH []
Đại lý []
Hình thức khác []

6. NGƯỜI NỘP PHÍ

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên) 5009D

Stamp: CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM TASCO TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BẢO HIỂM. Includes date: Cấp ngày 23 tháng 9 năm 2024. Total amount: Tổng đài: 1900 1552 TASCO. (Liên 1: Giao khách hàng) Giấy chứng nhận này không có giá trị nếu cấp sau ngày

Phan Thanh Quang

ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ
MOTOR VEHICLE REGISTRATION CERTIFICATE
Số (Number): 092677

Mẫu 05 BH theo TT
số 01/2007/TT-BCA(C11) ngày 02/01/2007

THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Loại thức bánh xe: 4x4 Vết bánh xe: 1620/1615 (mm)
Wheel formula (Wheel tread)

Kích thước bao (Overall dimensions): 5195x1940x1860 (mm)
Inside dimensions of cargo desk (mm)

Khoảng cách trục (Wheel base): 2850 (mm)

Chối lượng bản thân (Kerb mass): 2500 (kg)

Chối lượng hàng CC theo TK/CP LN: (kg)
Design/Authorized cargo pay mass

Chối lượng kéo theo TK/CP LN: (kg)
Design/Authorized towed mass

Chối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: 3160/3160 (kg)
Design/Authorized total mass

Số người cho phép chở (không bao gồm người lái) Ngồi: 7 Đứng: 0 Nằm: 0
Permissible No of Pers carried, not include driver: seating, standing, lying

Loại động cơ đốt trong (Engine type): 6 xi lanh thẳng hàng

Ký hiệu (Engine model): 1FZ-FE

Thể tích làm việc (Engine Displacement): 4477 (cm³)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 177kW/4600rpm
Maximum engine output/rpm

Loại nhiên liệu (Fuel): Xăng

Loại động cơ điện:
(Motor type)

Số lượng, ký hiệu:
Number of motors, motor model

Điện áp/ Tổng CS động cơ điện:
Voltage/ Total rated power of motors

Loại ắc quy (Battery type):

Điện áp/dung lượng ắc quy (Voltage/Capacity):

(No.) VA-0986226

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)
1: 2; 275/65R17
2: 2; 275/65R17

Số phiếu kiểm định TP Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2025
(Inspection Report No) (Issued on: Day/Month/Year)
5003S-24535/25
Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until) 18/02/2026



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe (Equipped with camera)

PT không được cấp tem KĐ (Vehicle not issued with inspection stamp)

Chi chú (Notes):

77E92092

Tên chủ xe (Owner's full name): **TONG CTY NONG NGHIỆP SG** Số máy (Engine No): **1FZ-0624246**
Địa chỉ (Address): **189 Điện Biên Phủ P15 B/Thành** Số khung (Chassis No): **09J145106490**
Nhãn hiệu (Brand): **TOYOTA** Tên động cơ (B. of E. FZX41)
Loại xe (Type): **Ôtô con** Dung tích (Capacity): **4.4**
Màu sơn (Color): **Xanh** Công suất (Horsepower):
Năm sản xuất (Year of manufacture): **2004** Trọng lượng (Empty weight):
Kích thước bao: -Dài (Length): **3,195** m; Rộng (Width): **1,940** m; Cao (Height):
Overall dimension
Tài trọng: Số chỗ ngồi (Sit): **08** đứng (Stand): năm (Lie): Hàng hoá:
Gross weight: Seat capacity tháng năm Goods:
Đăng ký xe có giá trị (Valid until) tháng năm
Valid until tháng 02 năm 2009
Biển số đăng ký (No Plate) **52X-6058** Hồ Chí Minh, ngày (date) tháng năm
Đang ký lần đầu ngày: **30/08/2004**
Date of first registration
TRƯƠNG PHONG
PHƯƠNG TÁ Võ Văn Văn

CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm.

Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.

2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xóa nội dung và làm giả.

Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.

3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.

Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.

4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ.

Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.

Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định.

Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.

Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị i nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ ôi trường.

The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.

BỘ XÂY DỰNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM MOC - Vietnam Register

No: VA 0986226

CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

Biển đăng ký: **52X-6058**
(Registration plate)

Số quản lý PT: **5004V-019851**
(Vehicle inspection No.)

Nhóm phương tiện (Vehicle's group): ô tô chở người đến 8 chỗ

Loại phương tiện: ô tô con
(Vehicle's type)

Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường
(Clean, green energy vehicle)

Cho phép tự động hoá Một phần Toàn phần
(Allows automation) (Partially) (Fully)

Nhãn hiệu, tên thương mại: **TOYOTA LAND CRUISER-GX**
(Trademark, Commercial name)

Mã kiểu loại (Model code): **FZJ100L-GNMNKV**

Số động cơ (Engine No): **1FZ-0624246**

Số khung (Chassis No): **JTEHJ09J145106490**

Năm, Nước sản xuất: **2004, Việt Nam**
(Production year, Country)

Niên hạn sử dụng:
(Lifetime limit to)

Có kinh doanh vận tải (Commercial) Có cải tạo (Modification):



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG
 Địa chỉ: 185 Điện Biên Phủ - Phường Đa Kao, Quận 1 - TP. HCM
 Điện thoại: (84-28) 3823 9219 Hotline: 1900 545 517

GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM XE Ô TÔ
 Số: A022502806070100

LOẠI HÌNH BẢO HIỂM, MỨC TRÁCH NHIỆM VÀ PHÍ BẢO HIỂM:

Loại hình bảo hiểm/Mức trách nhiệm/Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm (VNĐ)
BẮT BUỘC TNDS CỦA CHỦ XE	873.400 (gồm VAT)
Về người: 150.000.000 VNĐ/người/vụ	
Về tài sản: 100.000.000 VNĐ/vụ	
TỰ NGUYỄN TNDS CỦA CHỦ XE	X
Về người: X VNĐ/người/vụ	
Về tài sản: X VNĐ/vụ	
Về hành khách: X VNĐ/người/vụ	
Về hàng hóa trên xe: X VNĐ/tấn	
Số tấn tham gia: X tấn	
TÀI NẠN LÁI PHỤ XE VÀ NGƯỜI NGỒI TRÊN XE	80.000
Số tiền bảo hiểm: 10.000.000 VNĐ/người/vụ	
Số người tham gia: 08 người	
VẬT CHẤT XE	X
Giá trị thực tế xe: X VNĐ	
Số tiền bảo hiểm: X VNĐ	
Mức khấu trừ: X VNĐ/vụ	
Điều khoản bổ sung: X	
TỔNG PHÍ THANH TOÁN	953.400

Bảng việc nhận GCNBH này, Chủ xe/Bên mua bảo hiểm/Người được uỷ quyền cam kết rằng đã đọc, hiểu rõ và được Bảo Long tư vấn, giải thích đầy đủ rõ ràng nội dung phạm vi bảo hiểm, điều khoản loại trừ và các điều kiện điều khoản khác trong Quy tắc bảo hiểm hiện hành của Bảo Long trước thời điểm tham gia bảo hiểm. Quy tắc này được gửi kèm GCNBH và đồng thời đăng tải trên website: baolonginsurance.com.vn. Đồng thời, đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với các điều khoản, điều kiện quy định tại Chính sách bảo vệ và xử lý dữ liệu được đăng tải trên website: baolonginsurance.com.vn và cho phép Bảo Long và/hoặc người đại diện của Bảo Long được quyền: thu thập, xử lý và lưu trữ dữ liệu cá nhân để thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng bảo hiểm và những công việc có liên quan khác theo quy định của pháp luật.

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

CHỦ XE	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
ĐỊA CHỈ	189 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh
DIỆN THOẠI	

ĐỐI TƯỢNG THAM GIA:

BIÊN KIỂM SOÁT	52X6058		
SỐ KHUNG	09J145106490		
SỐ MÁY	1FZ0624246		
HÃNG XE	TOYOTA		
PHIÊN BẢN XE			
SỐ CHỖ	08	TRỌNG TÀI	00
MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	Không kinh doanh		
NĂM SẢN XUẤT	2004		

THỜI HẠN BẢO HIỂM

Từ 10:00, ngày 26/10/2025 đến 09:59, ngày 26/10/2025

THỜI HẠN THANH TOÁN

Loại hình bảo hiểm	Phí bảo hiểm	Hạn thanh toán
Bảo hiểm bắt buộc TNDS	Theo Quy định của Bộ Tài chính	
Bảo hiểm tự nguyện	80.000	26/10/2025



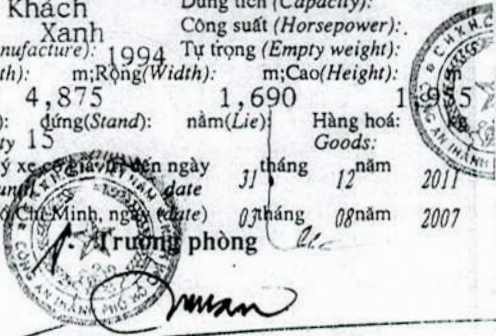
Ngày cấp 08/10/2025
BÊN BẢO HIỂM
 (Ký, ghi rõ họ tên)

[Signature]
PHÓ GIÁM ĐỐC
Võ Kim Long

Để tra cứu thông tin Giấy chứng nhận bảo hiểm, Quý khách vui lòng quét mã QR CODE hoặc truy cập website baolonginsurance.com.vn

69/66

Tên chủ xe (Owner's full name): **CTY CHĂN NUÔI & CB TP SÀI GÒN** Số máy (Engine No): **1RZ-0681316**
 Địa chỉ (Address): **189 Điện Biên Phủ P15 Q. BT** So khung (Chassis No): **H112-0029893**
 Nhân hiệu (Brand): **TOYOTA** Tên động cơ (B. of E.): **1RZ**
 Loại xe (Type): **Khách** Dung tích (Capacity):
 Màu sơn (Color): **Xanh** Công suất (Horsepower):
 Năm sản xuất (Year of manufacture): **1994** Tự trọng (Empty weight):
 Kích thước bao: -Dài (Length): m; Rộng (Width): m; Cao (Height):
 Overall dimension **4,875 1,690 1**
 Tải trọng: Số chỗ ngồi (Sit): **15** đứng (Stand): năm (Lie): Hàng hoá: Goods:
 Gross weight: Seat capacity **15**
 Đăng ký xe: ngày tháng năm **31 tháng 12 năm 2011**
 Valid until: date
 Hồ Chí Minh, ngày tháng năm **03 tháng 08 năm 2007**
 (No Plate) **53L-7319**
 Đăng ký lần đầu ngày: **19/07/1995**
 Date of first registration
Trương phòng
Trương Văn Văn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 HO CHI MINH CITY'S PUBLIC SECURITY
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
 THE TRAFFIC POLICE DIVISION
ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ
 MOTOR VEHICLE REGISTRATION CERTIFICATE
 Số (Number): **000888**

Mẫu 05 BH theo TT
 số 01/2007/TT-BCA(C11) ngày 02/01/2007

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
TT Đăng kiểm 50-05V
VIV thu hồi số kiểm định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc
---o0o---

TpHCM, ngày 22 tháng 11 năm 2011

BIÊN BẢN THU HỒI SỐ KIỂM ĐỊNH

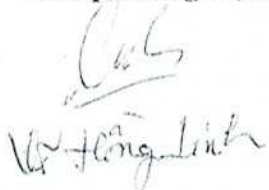
Hôm nay ngày 22/ 11/ 2011 , Trung tâm Đăng kiểm 50-05V quyết định thu hồi số kiểm định an toàn kỹ thuật đối với phương tiện:

Biển số	:	53L - 7319
Loại PT	:	Otô Khách
Nhãn hiệu	:	TOYOYA
Số Loại	:	HIACE
Số máy	:	1RZ-0681316
Số khung	:	RZH112-0029893
Năm /Nơi sản xuất	:	1994 / Nhật Bản
Chủ phương tiện	:	CTY Chăn Nuôi & CB TP Sài Gòn
Địa chỉ	:	189 Điện Biên Phủ P15 Q.BT
Số sổ	:	B.0656887
Số quản lý	:	50-02S / 11115

Lý do : Thu hồi số theo nghị định 95/2009 /NĐ-CP quy định niên hạn sử dụng đối với xe ô tô tải và xe ô tô chở người .

Biên bản được lập thành 3 bản.

Chủ phương tiện


Vũ Hồng Lĩnh

Trung tâm Đăng Kiểm XCG 50-05V

Giám đốc


KS. Trần Văn Núi

-K/c TT ĐK XCG 50-02S

-Lưu

-Giao chủ phương tiện